

BÀI TẬP PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Câu 1. Các ý kiến sau đúng hay sai, giải thích tại sao? Cho ví dụ?

- Quy phạm pháp luật được sử dụng 1 lần trong cuộc sống.

| | | |
|-----|---|--|
| Sai | GT: Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện | Ví dụ: Quy định “Người đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử” được áp dụng cho mọi công dân đủ 18 tuổi, không phải chỉ một lần. |
|-----|---|--|

- Tất cả các công dân đều là chủ thể quan hệ pháp luật.

| | | |
|-----|--|--|
| Sai | GT: Mặc dù mọi công dân đều có năng lực pháp luật, nhưng chỉ khi họ tham gia vào một quan hệ pháp luật cụ thể (ví dụ: ký hợp đồng, kết hôn, vi phạm luật, v.v.) thì mới trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật. | Ví dụ: Một người đang ở nhà không làm gì liên quan đến pháp luật thì chưa phải là chủ thể trong một quan hệ pháp luật nào. |
|-----|--|--|

- Mọi tổ chức đều có tư cách pháp nhân.

| | | |
|-----|--|--|
| Sai | GT: Không phải tổ chức nào cũng có tư cách pháp nhân. Chỉ những tổ chức được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức độc lập, có tài sản riêng, và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình mới là pháp | Ví dụ: Một nhóm bạn tự lập nhóm học tập không phải pháp nhân; còn một công ty TNHH thì là pháp nhân. |
|-----|--|--|

| | | |
|--|-------|--|
| | nhân. | |
|--|-------|--|

- Chủ thể có năng lực pháp luật đương nhiên có năng lực hành vi.

| | | |
|-----|--|--|
| Sai | GT: Năng lực pháp luật và năng lực hành vi có quan hệ mật thiết với nhau, năng lực pháp luật là tiền đề của năng lực hành vi, do đó không thể có chủ thể nào không có năng lực pháp luật mà lại có năng lực hành vi. | Ví dụ: Trẻ 5 tuổi có năng lực pháp luật (được bảo vệ quyền lợi), nhưng chưa có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. |
|-----|--|--|

- Mọi sự kiện diễn ra trong đời sống xã hội đều là sự kiện pháp lý.

| | | |
|-----|--|--|
| Sai | GT: Sự kiện pháp lý là những sự kiện thực tế xảy ra trong đời sống xã hội mà sự xuất hiện hay mất đi của chúng được pháp luật gắn với việc hình thành, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật. | Ví dụ: Mưa rơi không phải sự kiện pháp lý; nhưng việc một người chết là sự kiện pháp lý (làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự). |
|-----|--|--|

- Mọi quan hệ xã hội đều là quan hệ pháp luật.

| | | |
|-----|--|---|
| Sai | GT: Quan hệ xã hội rất rộng (gia đình, tình bạn, đạo đức, kinh tế...). Chỉ những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh mới trở thành quan hệ pháp luật. | Ví dụ: Quan hệ tình bạn không phải quan hệ pháp luật, nhưng quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn thì là quan hệ pháp luật. |
|-----|--|---|

- Pháp luật mang đặc trưng tính cưỡng chế.

| | | |
|------|---|--|
| Đúng | <p>GT: Pháp luật chỉ được hình thành và phát triển bằng con đường nhà nước mà không thể bằng bất cứ con đường nào khác. Nhà nước là một tổ chức hợp pháp, công khai và có quyền lực bao trùm toàn xã hội. Vì vậy, khi pháp luật được nhà nước ban hành thì nó sẽ có sức mạnh của quyền lực nhà nước và tác động đến tất cả mọi người. Đặc trưng này chỉ có ở pháp luật.</p> | Ví dụ: Ai vi phạm luật giao thông có thể bị cảnh sát xử phạt hành chính. |
|------|---|--|

- Quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên khi tham gia vào quan hệ pháp luật do các bên tự thỏa thuận.

| | | |
|---------------------------------------|---|--|
| Sai (Đúng trong một số trường hợp) | <p>GT: Nội dung của quan hệ pháp luật được cấu thành bởi các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các bên và được đảm bảo bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.</p> | Ví dụ: Hợp đồng mua bán có thể tự thỏa thuận giá, nhưng không được vi phạm điều cấm của pháp luật. |
|---------------------------------------|---|--|

- Khi tham gia vào quan hệ pháp luật, các chủ thể bắt buộc phải thực hiện quyền chủ thể của mình.

| | | |
|-----|---|---|
| Sai | <p>GT: Thực hiện nghĩa vụ là bắt buộc, nhưng quyền thì chủ thể có thể thực hiện hoặc không.</p> | Ví dụ: Người có quyền khởi kiện có thể chọn khởi kiện hoặc không. |
|-----|---|---|

- Mọi quy phạm pháp luật đều phải có đủ ba bộ phận cấu thành.

| | | |
|-----|--|---|
| Sai | GT: Một quy phạm pháp luật đầy đủ gồm ba phần: giả định – quy định – chế tài, nhưng trong thực tế nhiều quy phạm chỉ thể hiện 1 hoặc 2 phần, phần còn lại được hiểu ngầm hoặc quy định ở nơi khác. | Ví dụ: “Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” chỉ có phần quy định, không có chế tài. |
|-----|--|---|

- Mọi hành vi trái pháp luật đều là vi phạm pháp luật.

| | | |
|-----|---|--------|
| Sai | GT: Nếu một hành vi trái pháp luật được thực hiện do những điều kiện và hoàn cảnh khách quan, chủ thể hành vi đó không thể ý thức được từ đó không lựa chọn được cách xử sự theo quy định của pháp luật thì hành vi đó không bị coi là có lỗi và chủ thể không bị coi là vi phạm pháp luật. | Ví dụ: |
|-----|---|--------|

- Sử dụng (vận dụng) pháp luật là cách xử sự bắt buộc của chủ thể.

| | | |
|-----|--|--|
| Sai | GT: Sử dụng pháp luật là chủ thể tự mình thực hiện quyền pháp luật cho phép, mang tính tự nguyện chứ không bắt buộc. | Ví dụ: Công dân có quyền kết hôn, nhưng không bắt buộc phải kết hôn. |
|-----|--|--|

- Tuân thủ pháp luật là hành vi xử sự bắt buộc.

| | | |
|------|--|---|
| Đúng | GT: Tuân thủ pháp luật là không làm điều pháp luật cấm, bắt buộc mọi người phải thực hiện. | Ví dụ: Mọi người đều phải tuân thủ luật giao thông, không được vượt đèn đỏ. |
|------|--|---|

- Văn bản áp dụng pháp luật được sử dụng cho chủ thể không xác định.

| | | |
|------|---|---|
| Đúng | <p>GT: Văn bản áp dụng pháp luật chỉ áp dụng cho chủ thể cụ thể, trong một trường hợp cụ thể.</p> <p>Văn bản dùng cho chủ thể không xác định là văn bản quy phạm pháp luật.</p> | <p>Ví dụ: Bản án của tòa xử một vụ ly hôn là văn bản áp dụng pháp luật (chỉ áp dụng cho hai người trong vụ án).</p> |
|------|---|---|

- Mọi hành vi xâm phạm đến nguyên tắc quản lý nhà nước đều là vi phạm hành chính.

| | | |
|------|---|--|
| Đúng | <p>GT: Hành vi xâm phạm nguyên tắc quản lý nhà nước có thể là vi phạm hành chính, nhưng nếu mức độ nghiêm trọng hơn thì có thể là tội phạm (vi phạm hình sự).</p> | <p>Ví dụ: Cán bộ làm giả hồ sơ để chiếm đoạt tài sản → là tội phạm hình sự, không chỉ là vi phạm hành chính.</p> |
|------|---|--|

Câu 2:

a- Tìm các bộ phận cấu thành của các quy phạm pháp luật sau:

- “Người bị tuyên bố mất tích trở về được nhận lại tài sản do người quản lý tài sản chuyển giao sau khi đã thanh toán chi phí quản lý”.

| | | |
|--|---|--------------------------|
| <p>Giả định: “Người bị tuyên bố mất tích trở về”</p> | <p>Quy định: “được nhận lại tài sản do người quản lý tài sản chuyển giao sau khi đã thanh toán chi phí quản lý”</p> | <p>Chế tài: Không có</p> |
|--|---|--------------------------|

- “Người nào gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ thì bị phạt từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng”.

| | | |
|--|--------------------|---|
| Giả định: “Người nào gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ hoặc công cụ hỗ trợ” | Quy định: Không có | Chế tài: “bị phạt từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng” |
|--|--------------------|---|

b- Căn cứ vào đâu để xác định hành vi nào là hợp pháp, hành vi nào là bất hợp pháp? Hãy chỉ ra quy tắc xử sự của quy phạm pháp luật trên? Cách xử sự đó được thực hiện khi nào? Bộ phận quy định của các quy phạm pháp luật trên thuộc loại quy định nào? Tại sao?

- Căn cứ vào QPPL mới biết được hành vi, hoạt động nào là hợp pháp; hành vi, hoạt động nào là bất hợp pháp.

| Quy phạm | Quy tắc xử sự | Thực hiện khi nào | Loại quy định nào |
|---|--|--|---|
| Người bị tuyên bố mất tích trở về nhận lại tài sản theo đúng quy định | Khi người bị tuyên bố mất tích trở về thì được nhận lại tài sản do người quản lý chuyển giao sau khi thanh toán chi phí quản lý. | Khi người bị tuyên bố mất tích trở về – tức là sự kiện pháp lý xảy ra. Lúc đó, quy định về nhận lại tài sản được thực hiện. | Quy phạm pháp luật tùy nghi Vì nội dung quy định quyền của chủ thể (“được nhận lại tài sản”), mang tính cho phép, không bắt buộc. |
| Người gây rối trật tự công cộng, mang theo vũ khí thô sơ | Cấm gây rối trật tự công cộng, đặc biệt khi mang vũ khí hoặc công cụ hỗ trợ. | Khi hành vi vi phạm xảy ra (gây rối trật tự công cộng và mang vũ khí thô sơ), có quan có thẩm quyền áp dụng chế tài xử phạt. | Quy phạm pháp luật dứt khoát Vì quy định một cách xử sự duy nhất – cấm hành vi gây rối trật tự, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt. |

Câu 3.

Vì sao nói sự kiện pháp lý là cầu nối giữa quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật? Cho ví dụ? Các sự kiện xảy ra trong thực tế sau đây có phải là sự kiện pháp lý không? Tại sao? Nếu là sự kiện pháp lý thì là sự biến hay hành vi? Tại sao?

- Người lao động và người sử dụng lao động ký kết thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.
- Tai nạn tàu biển bị chìm do bão.
- Sinh viên học online theo thời khoá biểu của nhà trường

Trả lời:

Muốn quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt, cần có ba yếu tố:

- Quy phạm pháp luật (QHPL) – là “khuôn mẫu” quy định cách xử sự.
- Năng lực chủ thể – người có quyền và nghĩa vụ.
- Sự kiện pháp lý – là yếu tố thực tế làm cho quy phạm pháp luật được “kích hoạt” để tạo ra, thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật.

Vì vậy, sự kiện pháp lý chính là cầu nối giữa quy phạm pháp luật (quy tắc xử sự chung) và quan hệ pháp luật (mối quan hệ cụ thể giữa các chủ thể).

Nếu không có sự kiện pháp lý, quy phạm chỉ tồn tại “trên giấy”, chưa phát sinh hiệu lực trong đời sống.

| Trường hợp | Có phải sự kiện pháp lý không? | Loại sự kiện | Giải thích |
|--|--------------------------------|------------------------------------|---|
| 1. Người lao động và người sử dụng lao động ký kết thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn. | Có | Hành vi pháp lý (hành vi hợp pháp) | Vì đây là hành vi có ý chí của con người, được pháp luật cho phép, làm chấm dứt quan hệ pháp luật lao động. |

| | | | |
|---|--------------------------------------|---------|---|
| 2. Tai nạn tàu biển bị chìm do bão. | Có | Sự biến | Vì đây là sự kiện xảy ra ngoài ý chí con người, do thiên nhiên gây ra, và có thể làm phát sinh hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật (ví dụ: làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, bảo hiểm...). |
| 3. Sinh viên học online theo thời khóa biểu của nhà trường. | Không (trong trường hợp bình thường) | - | Vì đây chỉ là hoạt động học tập thông thường, không làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật nào mới; chỉ là việc thực hiện nghĩa vụ học tập sẵn có, nên không phải là sự kiện pháp lý. |

Câu 4:

Hình thức áp dụng pháp luật khác các hình thức thực hiện pháp luật còn lại như thế nào?

Áp dụng pháp luật khác với các hình thức thực hiện pháp luật khác (tuân thủ, chấp hành, sử dụng) ở bản chất, chủ thể thực hiện, tính bắt buộc và hình thức thể hiện như sau:

| Tiêu chí | Áp dụng pháp luật | Các hình thức khác (tuân thủ, chấp hành, sử dụng) |
|----------|-------------------|---|
| | | |

| | | |
|---------------------|---|--|
| Chủ thể thực hiện | Chỉ do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiến hành | Do mọi chủ thể pháp luật (cá nhân, tổ chức) thực hiện |
| Tính chất hoạt động | Là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước – thể hiện ý chí đơn phương của Nhà nước | Là hoạt động tự giác, chủ động của các chủ thể trong đời sống |
| Phạm vi điều chỉnh | Cá biệt, áp dụng cho trường hợp, đối tượng cụ thể | Chung, áp dụng cho mọi người trong các hoàn cảnh giống nhau |
| Kết quả thể hiện | Kết thúc bằng văn bản áp dụng pháp luật (bản án, quyết định, giấy phép, v.v.) | Không cần văn bản, thể hiện bằng hành vi hợp pháp của chủ thể |
| Tính bắt buộc | Bắt buộc tuyệt đối, có thể kèm theo cưỡng chế nhà nước | Chủ thể tự nguyện thực hiện (trừ nghĩa vụ pháp lý bắt buộc) |
| Ví dụ | Tòa án ra bản án ly hôn, công an xử phạt vi phạm giao thông, UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Công dân tuân thủ luật giao thông, nộp thuế (chấp hành), kết hôn (sử dụng quyền) |